

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán Giải Tích

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Võ Viết Trí

2. Ngày tháng năm sinh: 05/05/1966; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 164/A/1, Kp Tân Lương, P. Thanh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Võ Viết Trí, Khoa Sư Phạm, Trường Đại Học Thủ Dầu Một, số 6 đường Trần Văn Ôn, Tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0915712655;

E-mail: trivv@tdmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,1989 đến tháng, năm 08,1997: Giáo viên giảng dạy tại Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ

Từ tháng, năm 09,1997 đến tháng, năm 02,2001: Giáo viên giảng dạy tại Trường THPT Chuyên Hùng Vương

Từ tháng, năm 03,2001 đến tháng, năm 02,2007: Phó Hiệu Trưởng tại Trường THPT Phước Vĩnh

Từ tháng, năm 03,2007 đến tháng, năm 08,2010: Phó Hiệu Trưởng tại Trường THPT Võ Minh Đức

Từ tháng, năm 09,2010 đến tháng, năm 05,2011: Giảng Viên tại Trường Đại Học Thủ dầu Một

Từ tháng, năm 06,2011 đến tháng, năm 08,2014: Phó trưởng khoa tại Trường Đại Học Thủ dầu Một

Từ tháng, năm 09,2014 đến tháng, năm 08,2021: Trưởng Khoa tại Trường Đại Học Thủ dầu Một

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó hiệu trưởng (trường THPT), Trưởng khoa (trường đại học)

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại Học Thủ dầu Một

Địa chỉ cơ quan: Tp Thủ dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Thủ Dầu Một

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 25 tháng 10 năm 1990, số văn bằng: 07/89, ngành: Toán học, chuyên ngành: Sư Phạm Toán; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại Học Sư Phạm Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 20 tháng 06 năm 2008, số văn bằng: 466, ngành: Toán Học, chuyên ngành: Toán Giải Tích; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại Học Sư Phạm Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 20 tháng 12 năm 2016, số văn bằng: 048, ngành: Toán Học, chuyên ngành: Toán Giải Tích; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại Học Sư Phạm Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủ Dầu Một

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ Hướng thứ nhất: Lý thuyết điểm bất động trong không gian có thứ tự sinh bởi tập nón;

+ Hướng thứ hai: Lý thuyết điểm bất động và ứng dụng trong tối ưu và điều khiển;

+ Hướng thứ ba: Ứng dụng lý thuyết điểm bất động trong phương trình vi phân và phương trình đạo hàm riêng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 19 bài báo khoa học, trong đó 14 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 10 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016					330		330/330/189
2	2016-2017					475		475/475/189
3	2017-2018					330		330/330/189
03 năm học cuối								
4	2018-2019					300	30	330/345/189
5	2019-2020					210	30	240/255/189

6	2020-2021					180	60	240/270/210
---	-----------	--	--	--	--	-----	----	-------------

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Anh Tuấn		X	X		06/2020 đến 11/2020	Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia Tp Hồ Chí minh	19/07/2021
---	-----------------	--	---	---	--	------------------------	--	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Định lý điểm bất động thông qua nón-chuẩn và độ đo phi compact với giá trị trong nón	CN	1687/QĐ-ĐHTDM, cấp Cơ sở	14/08/2016 đến 14/09/2017	14/08/2017, Xuất sắc
2	Tính chất tập nghiệm của bài toán cân bằng và các bài toán liên quan đến bài toán tối ưu.	CN	780/QĐ-ĐHTDM, cấp Cơ sở	29/05/2020 đến 20/05/2021	07/12/2020, xuất sắc
3	Phương pháp chặn dưới đơn điệu và bài toán giá trị riêng cho phương trình đa trị	CN	1005/QĐ-ĐHTDM, cấp Cơ sở	16/07/2020 đến 16/07/2021	07/04/2021

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Fixed Point Theorems Via Cone-Norms and Cone-valued Measures of Noncompactnes	3	Có	Fixed Point Theory	Q1 - SCIE <i>IF: 2.435</i>		17, 2, 349-358	09/2016
2	An extension of the Krasnoselskii fixed point Theorem in K-normed space	2	Có	Journal of Science of HCM City university of Education			64, 98, 7-17	11/2014
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
3	The monotone minorant method and eigenvalue problem for multivalued operators in cones	3	Có	Fixed Point Theory	Q1 - SCIE <i>IF: 2.435</i>	2	19, 1, 275-286	02/2018

4	A Fixed Point Theorem and an Application for the Cauchy Problem in the Scale of Banach Spaces	2	Có	Filomat	Q2 - SCIE <i>IF: 0.848</i>		34, 13, 4387–4398	09/2020
5	On the well-posedness of a nonlinear pseudo-parabolic equation	4	Có	Journal of Fixed Point Theory and Applications	Q1 - SCIE <i>IF: 2.11</i>		22, 77, 1-21	09/2020
6	Stability analysis for parametric symmetric vector quasi-equilibrium problems with application to traffic network problems	2	Có	Journal of Nonlinear and Convex Analysis	Q2 - SCIE <i>IF: 1.029</i>		21, 10, 2207-2223	10/2020
7	Positive Eigen-Pair of Dual Operator and Applications in Two-Player Game Control	1	Có	Dynamic Systems and Applications	- SCIE <i>IF: 0.359</i>		30, 1, 79-90	01/2021

8	Existence conditions for solutions of bilevel vector equilibrium problems with application to traffic network problems with equilibrium constraints	3	Có	Positivity	Q2 - SCIE <i>IF: 1.051</i>		25 213-228	03/2021
9	On essential components of the solution set for inclusion problems on Hadamard manifolds	3	Không	Journal of Nonlinear and Convex Analysis	Q2 - SCIE <i>IF: 1.029</i>		22, 3, 487-498	03/2021
10	On the initial value problem for fractional Volterra integrodifferential equations with a Caputo–Fabrizio derivative	4	Có	Mathematical Modelling of Natural Phenomena	Q2 - SCIE <i>IF: 4.157</i>		16, 18, 1-21	04/2021

11	Eigenvalue Intervals of Multivalued Operator and its Application for a Multipoint Boundary Value Problem	2	Có	Bulletin of the Iranian Mathematical Society	Q3 - SCIE <i>IF: 0.644</i>		47, 4, 1301- 1314	05/2021
12	Stability of a class of problems for time-space fractional pseudo- parabolic equation with datum measured at terminal time	4	Không	Applied Numerical Mathematics	Q1 - SCIE <i>IF: 2.468</i>		167 308- 329	09/3021
13	Existence of an initial value problem for time- fractional Oldroyd-B fluid equation using Banach fixed point theorem	1	Có	Advances in the Theory of Nonlinear Analysis and its Applications	- Scopus		5, 4, 523- 530, 523- 530	09/2021

14	On a nonlinear parabolic equation with fractional Laplacian and integral conditions	3	Không	Applicable Analysis	Q2 - SCIE <i>IF: 1.107</i>			04/2021
15	Identifying the initial state for a parabolic diffusion from their time averages with fractional derivative	3	Có	Mathematical Methods in the Applied Sciences	Q1 - SCIE <i>IF: 1.626</i>	1		01/2021
16	On a fractional Rayleigh–Stokes equation driven by fractional Brownian motion	4	Không	Mathematical Methods in the Applied Sciences	Q1 - SCIE <i>IF: 1.626</i>			12/2020
17	On time fractional pseudo-parabolic equations with non-local in time condition	4	Không	Mathematical Methods in the Applied Sciences	Q1 - SCIE <i>IF: 1.626</i>			01/2021

18	Fixed point index computations for multivalued mapping and application to the problem of positive eigenvalues in ordered space	1	Có	Applied General Topology	- ESCI			10/2021
19	A positive point of using fixed point theory in k-normed space for cauchy problem in a scale of banach spaces	1	Có	Journal of Interdisciplinary Mathematics	- ESCI			06/2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 8 ([3] [4] [5] [6] [8] [10] [11] [15])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Chương trình đào tạo: Toán học-Mã ngành: 52 46 01 01	Tham gia	QĐ số 463/QĐ-ĐHTDM, ngày 6/5/2015	Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ số 1270/QĐ-BDGDĐT v/v Giao cho Trường Đại học Thủ Dầu Một đào tạo ngành Toán học-Mã số 52 46 01 01, ngày 20/4/2016	Thành viên tham gia chính trong đề án mở ngành

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: [8] Existence conditions for solutions of bilevel vector equilibrium problems with application to traffic network problems with equilibrium constraints

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Dương, ngày 11 tháng 08 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)